

Bản án số: 217/2024/HS-ST

Ngày: 27 – 9 – 2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Thái Thục Hiền.

2/ Bà Nguyễn Thị Kính.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Sơn Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Đức Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 0 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 267/2024/TLST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 391/2024/QĐXXST-HS ngày 12/9/2024, đối với bị cáo:

Trần Quang T, sinh năm: 1995, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú (nơi đăng ký thường trú: S1/19 CXPLA, Phường MH, Quận S, Thành phố HCM; chỗ ở: Phòng D17, nhà trọ số 323 ADV, phường AL, quận BT, Thành phố HCM); nghề nghiệp: Làm công; T2 độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu P1 (đã chết) và bà Trần Thị Tuyết N1; có vợ tên Phạm Thị Hồng T1 và 01 (một) con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Tốt.

- Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/6/2024 đến nay. (Có mặt).

*** Bị hại:** Ông Đặng Lê K1, sinh năm: 1983; nơi cư trú: A3.5.10 (4.10) CCLT, phường AL, quận BT, Thành phố HCM – Chủ cửa hàng HK (địa chỉ: A2-3-4 CCCGT, số 15 VVK, Phường MS, Quận T, Thành phố HCM). (Vắng mặt).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

Bà Lôi Phương T2, sinh năm: 1988; nơi cư trú: Số 132 BBĐ, Phường MBN, Quận T, Thành phố HCM. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Quang T là nhân viên của cửa hàng HK (địa chỉ: A2-3-4 CCCGT, số 15 VVK, Phường MS, Quận T) từ đầu tháng 4/2024 đến ngày 28/4/2024 thì nghỉ việc. Trong thời gian làm việc tại đây, T có quan hệ tình cảm với bà Lôi Phương T2 (là nhân viên quản lý của cửa hàng HK). Do có mâu thuẫn tình cảm với bà T2 và bị ông Đặng Lê K1 là chủ cửa hàng HK đuổi việc, nên T nảy sinh ý định trộm tiền của cửa hàng để nhằm mục đích cho ông Đặng Lê K1 (là chủ cửa hàng HK nêu trên) nghi ngờ bà T2 là người lấy trộm tài sản của cửa hàng, qua đó nhằm hạ uy tín của bà T2 và ông K1 sẽ cho bà T2 nghỉ việc, buộc bà T2 phải đền tiền cho ông K1.

Vì có kinh nghiệm trong lĩnh vực cửa cuốn, nên T hiểu được cách thức hoạt động của cửa cuốn cửa hàng HK, từ đó T tìm và mua được Remote cùng loại với Remote của cửa hàng. Khi đã mua được Remote, T thực hiện ý định trộm cắp tài sản.

Vào lúc 01 giờ 44 phút, ngày 27/5/2024, T đến cửa hàng HK, dùng Remote mở cửa cuốn, sau đó đến quầy thu ngân lấy trộm số tiền 2.000.000 đồng với nhiều mệnh giá khác nhau và nhiều thẻ cào điện thoại. T bỏ thẻ cào điện thoại vào trong áo khoác, đóng cửa cuốn rồi đi ra ngoài theo lối đi thang bộ. Khi đi ra ngoài, T làm rớt xấp thẻ cào xuống nước, T nhặt lên và thấy các thẻ cào đã bị hỏng nên vứt bỏ tại phòng để rác của chung cư. T không biết mệnh giá và tổng giá trị của các thẻ cào là bao nhiêu tiền.

Cùng phương thức, thủ đoạn như trên, vào lúc 02 giờ 40 phút, ngày 01/6/2024, T tiếp tục đến cửa hàng HK lấy trộm số tiền 38.804.000 đồng. Sau khi trộm số tiền trên thì T đi làm tại Đồng Nai, mang theo số tiền 5.804.000 đồng và đã sử dụng hết. Số tiền 33.000.000 đồng còn lại, T cất giấu tại phòng trọ của mình. Sau đó, vào lúc 17 giờ, ngày 05/6/2024, ông Đặng Lê K1 đến Công an Phường 16, Quận 8 T2 báo vụ việc trên. Đến 18 giờ 30 phút, ngày 05/6/2024, T đến Công an Phường 16, Quận 8 để đầu thú về hành vi nêu trên và giao nộp số tiền 33.000.000 đồng.

- Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật và xử lý vật chứng:

+ 01 USB bên trong có chứa 06 đoạn video ghi lại hình ảnh Trần Quang T thực hiện hành vi trộm cắp tại Cửa hàng HK;

+ Số tiền 33.000.000 đồng do Trần Quang T giao nộp lại;

+ 01 áo khoác, 01 áo thun màu đen, 01 quần thể thao dài màu đen, 01 áo thun màu trắng, 01 quần short jean màu xanh (là quần áo Trần Quang T đã mặc trong lúc thực hiện hành vi trộm cắp).

- Trách nhiệm dân sự:

+ Đặng Lê K1 yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền tổng cộng là 9.404.000 đồng (gồm có tiền mặt là 7.804.000 đồng và các thẻ cào điện thoại là 1.600.000 đồng).

+ Bà Lôi Phương T2 không có yêu cầu bị cáo T bồi thường đối với việc bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội rồi đổ lỗi cho bà T2, để nhằm hạ uy tín của bà T2 và bà T2 sẽ bị đuổi việc.

* Bản cáo trạng số 237/CT-VKS-Q8 ngày 11/9/2024 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Trần Quang T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Trần Quang T và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 173; điểm s Khoản 1 Điều 51; điểm g, điểm đ Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt bị cáo Trần Quang T với mức án từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Về trách nhiệm dân sự:

+ Bị hại Đặng Lê K1 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 9.404.000 đồng và tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường, nhưng xin thực hiện nhiều lần; nên buộc bị cáo phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

+ Không giải quyết đối với trường hợp của bà Lôi Phương T2.

- Về hình phạt bổ sung: Miễn cho bị cáo (do bị cáo có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn và khó thi hành).

- Về xử lý vật chứng:

+ 01 (một) USB chứa các đoạn video liên quan vụ án (do ông Đặng Lê K1 giao nộp và không có yêu cầu nhận lại), nên cần tịch thu và lưu theo hồ sơ vụ án.

+ 01 áo khoác, 01 áo thun màu đen, 01 quần thể thao dài màu đen, 01 áo thun màu trắng, 01 quần short jean màu xanh là quần áo Trần Quang T đã mặc trong lúc thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, không còn giá trị sử dụng; nên cần tịch thu tiêu hủy.

* Bị cáo Trần Quang T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đã thực hiện và không tranh luận, không bào chữa; bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của: Cơ quan điều tra Công an Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên: Trong quá T2 điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, T2 tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá T2 điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến, không có khiếu nại về hành vi tố tụng và quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, các quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, của Cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Quang T đã khai nhận toàn bộ hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản của bị hại như nội dung Cáo trạng đã nêu.

Xét lời khai nhận của bị cáo Trần Quang T phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án và phù hợp với nội dung Cáo trạng truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tài sản mà bị cáo Trần Quang T đã chiếm đoạt là số tiền mặt 40.804.000 đồng (bốn mươi triệu tám trăm lẻ bốn nghìn đồng) và thuộc trường hợp tài sản có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng.

Đối với các thẻ cào điện thoại không thu giữ được và không xác định được chính xác số lượng, trị giá của từng loại, không còn lưu giữ hóa đơn, chứng từ; nên không có cơ sở định giá xác định trị giá tài sản.

Do đó, đã có đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo Trần Quang T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Về nhân thân của bị cáo Trần Quang T: Bị cáo Trần Quang T có quá T2 nhân thân tốt, nên Hội đồng xét xử cũng lưu ý khi quyết định hình phạt đối với bị cáo cho tương xứng và phù hợp.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trần Quang T phạm tội thuộc trường hợp “phạm tội 02 lần trở lên” và “phạm tội vì động cơ đê hèn”, đây là các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm đ, điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) mà bị cáo phải chịu.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Trần Quang T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội thì bị cáo đã ra đầu thú; bị hại bãi nại và phần lớn tài sản đã thu hồi trả lại cho bị hại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần về hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu.

[6] Bản Cáo trạng truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh đối với bị cáo Trần Quang T về tội “Trộm cắp tài sản” và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo là có cơ sở pháp luật; mức án mà Kiểm sát viên đề nghị đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo; nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về ý kiến của bị cáo Trần Quang T xin giảm nhẹ hình phạt là có cơ sở pháp luật, như phân tích nêu trên của Hội đồng xét xử; nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại Khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

Xét thấy bị cáo Trần Quang T thuộc thành phần lao động nghèo, có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn và khó thi hành; nên Hội đồng xét xử không phạt bổ sung (miễn) đối với bị cáo Trần Quang T.

[9] Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại Đặng Lê K1 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền tổng cộng là 9.404.000 đồng (gồm có tiền mặt là 7.804.000 đồng và các thẻ cào điện thoại là 1.600.000 đồng).

Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường số tiền 9.404.000 đồng theo yêu cầu của bị hại Đặng Lê K1, nhưng bị cáo xin được thực hiện bồi thường nhiều lần, sau khi chấp hành án trở về.

Xét, giữa bị cáo và bị hại đã thống nhất với nhau số tiền bị cáo phải bồi thường cho bị hại là 9.404.000 đồng, nhưng không thống nhất về phương thức, thời gian thực hiện bồi thường. Theo quy định của pháp luật về nguyên tắc bồi thường thiệt hại thì thiệt hại thực tế phải được bồi thường toàn bộ và kịp thời, nếu các bên không có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác. Vì vậy, bị cáo T phải có trách nhiệm thực hiện bồi thường một lần số tiền nêu trên cho bị hại Đặng Lê K1, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Lôi Phương T2 không có yêu cầu bị cáo T bồi thường đối với việc bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội rồi đổ lỗi cho bà T2, để nhằm hạ uy tín của bà T2 và bà T2 sẽ bị đuổi việc; đồng thời bà T2 vắng mặt tại phiên tòa, nên không xem xét giải quyết.

[10] Về vật chứng:

- Đối với vật chứng có liên quan đến vụ án và đã được thu hồi, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Quận 8 đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp (bị hại) là phù hợp theo quy định của pháp luật.

- Đối với vật chứng có liên quan đến vụ án, nhưng Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Quận 8 không thu hồi được; nên không có cơ sở để xem xét xử lý.

- Đối với 01 (một) USB (bên trong chứa dữ liệu hình ảnh có liên quan đến vụ án); nên cần tịch thu và tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án.

- Đối với 01 (một) áo khoác mỏng màu xanh đậm, trên cánh tay và bả vai có hai dòng kẻ màu trắng; 01 (một) áo thun đen thể thao tay ngắn màu đen; 01 (một) quần thể thao dài màu đen; 01 (một) áo thun ngắn tay màu trắng có cổ bẻ màu xanh đậm, trước ngực có hai sọc ngang màu đỏ, xanh đậm; 01 (một) quần short jean màu xanh: Là áo, quần mà bị cáo T đã sử dụng khi thực hiện hành vi phạm tội, hiện không còn giá trị sử dụng; nên cần tịch thu tiêu hủy.

[11] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo Trần Quang T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173; các điểm: đ, g Khoản 1 Điều 52; điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Trần Quang T 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 06/6/2024.

- Về hình phạt bổ sung: Không phạt bổ sung (miễn) đối với bị cáo Trần Quang T.
- Về vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

+ Tịch thu và tiêu hủy 01 (một) áo khoác mỏng màu xanh đậm, trên cánh tay và bả vai có hai dòng kẻ màu trắng; 01 (một) áo thun đen thể thao tay ngắn màu đen; 01 (một) quần thể thao dài màu đen; 01 (một) áo thun ngắn tay màu trắng có cổ bẻ màu xanh đậm, trước ngực có hai sọc ngang màu đỏ, xanh đậm; 01 (một) quần short jean màu xanh.

Theo Biên bản giao, nhận tang tài vật lập ngày 17/9/2024 tại Kho của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh).

+ Tịch thu và tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án 01 (một) USB (bên trong chứa dữ liệu hình ảnh có liên quan đến vụ án).

- Về trách nhiệm dân sự:

+ Không giải quyết đối với trường hợp của bà Lôi Phương T2.

+ Căn cứ vào Khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và các Điều: 584, 585, 586, 587, 590, 357 và Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 cùng Luật Thi hành án Dân sự;

Buộc bị cáo Trần Quang T thực hiện bồi thường thiệt hại về tài sản cho bị hại Đặng Lê K1, với số tiền là 9.404.000 đồng (chín triệu bốn trăm lẻ bốn nghìn đồng).

Thi hành việc bồi thường một lần, ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật, tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải bồi thường do tài sản bị xâm phạm cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều: 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Trần Quang T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, với số tiền là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, với số tiền là 470.200 đồng (bốn trăm bảy mươi nghìn hai trăm đồng).

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt, có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt, có quyền kháng cáo phần Bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- PC.53 CA TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- Trại tạm giam Chí Hòa (T30),
CA TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- CQĐT CAQ.8;
- CQTHAHS Q.8; NTG CAQ.8;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Trần Trọng TrúC